

Bản án số: /2024/ HS-PT

Ngày: 19 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Giang Thị Vượng.**

Các thẩm phán: **Ông Đoàn Hằng Hải;**

Ông Vũ Đức Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 2 năm 2024 đối với bị cáo **Chang A T** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 19 tháng 1 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai châu;

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Chang A T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979 tại **P, tỉnh Lai Châu**; Nơi ĐKKHKT: Bản Huổi Luông xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: **Chang A**, sinh năm 1958 và con bà **Lý Xa M**, sinh năm 1960; Có vợ là **Tần Xa H**, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996; con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại (có mặt tại phiên tòa);

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công H1 trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L;

Bị hại:

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chang Thanh B, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tân A T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt.

+ Ông Tân A S, sinh năm: 1969 và bà Thân Lở M1, sinh năm 1970, cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Chang Xa M2, sinh năm: 1963 và ông Phàn A N, sinh năm 1959, cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Thân A D, sinh năm: 1971 và bà Lý Xa T2, sinh năm 1971, cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Ông Chang A S1, sinh năm: 1972, địa chỉ: Bản H, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Ông Lý A T3, sinh năm: 1978, địa chỉ: Bản H, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Người được Tòa án triệu tập: Hội đồng định giá tài sản, đại diện là ông: Trần Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng định giá(vụ việc) - Phó trưởng phòng Tài chính huyện P (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào đầu tháng 3 năm 2023, Chang A T đi phát cỏ nương ngô tại bản Sáo Lén, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Đến khoảng 15 giờ, ngày 18/4/2023, T đi đến khu nương ngô tại bản Sáo Lén để chặt chuối. Khi đến nơi, T thấy khu vực nương ngô đầu tháng 3 T phát cỏ, cỏ đã khô có thể đốt được. Lúc này, trời đang nắng và có gió nhưng do chủ quan, nghĩ rằng không thể cháy lan sang khu vực khác nên T bật lửa đốt trực tiếp vào thảm cỏ trong nương nhà T

nhưng không áp dụng đúng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định nên đám cháy, cháy lan vào rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất (HG1) tại tiểu khu E, khoảnh 1, lô A, trên diện tích 11.400 m², thuộc quy hoạch rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Sau đó, đám cháy lan lên rừng trồng cây cao su của các hộ gia đình ông Tấn A S, Chang X, Thần A, trên diện tích 6.700m², gây thiệt hại 183 cây cao su, thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Toàn bộ diện tích bị cháy nằm trên khu vực bản S, xã H, huyện P, có tọa độ tại: M1, X: 533.177,67; Y: 2.496,045,00 đến M27, X: 533.156,67; Y: 2.496.048,67. Sau khi xảy ra cháy, do một mình không dập được lửa nên T gọi điện thoại cho ông C A S1 và ông Lý A T3 đến giúp dập lửa. Sau đó, ông S1 và ông T3 đã thông báo cho người dân trong bản để cùng nhau đến dập lửa.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định tư pháp về lâm nghiệp số: 02-2023/KL/GĐTT, ngày 19/6/2023, của Chi cục Kiểm lâm tỉnh L, kết luận: Tổng diện tích rừng bị thiệt hại: 18.100 m², trong đó: 11.400 m² là rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất (HG1); 6.700 m² là rừng trồng cây cao su (có sơ đồ thể hiện ranh giới, mốc đo, diện tích khu rừng đã bị thiệt hại, tọa độ mốc đo). Loại rừng: Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất (HG1) thuộc quy hoạch rừng sản xuất; rừng trồng cây cao su thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Lâm sản bị thiệt hại: 810 cây gỗ rừng tự nhiên (có đường kính ngang ngực từ 06cm trở lên) với trữ lượng là 313,739m³ gỗ tròn; 183 cây cao su với trữ lượng là 39,339 m³ gỗ tròn; số cây tre, nứa bị cháy tại các bụi tre nứa còn lại tại hiện trường là 587 cây.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 22a/KL-HĐĐGTS, ngày 24/7/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 11.400m² là rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất được quy hoạch rừng sản xuất, có giá trị bị thiệt hại tại thời điểm tháng 4/2023 là 230.062.830 đồng; 183 cây cao su được hộ dân trồng năm thứ 17 và thời kỳ khai thác mủ năm thứ 10, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 78.277.170 đồng. Tổng giá trị thiệt hại tại thời điểm tháng 4/2023 là: 308.340.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao phát có tổng chiều dài 1,29m, trong đó phần cán dao bằng gỗ dài 84cm, đường lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, chỗ rộng nhất 5cm; 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây thiệt hại, Chang A T đã bồi thường cho gia đình các bị hại Tấn A; C1; Thần A tổng số tiền 76.000.000 đồng. Gia đình các bị hại S, M2, D không đề nghị T phải bồi thường gì thêm. Đối với thiệt hại 230.062.830 đồng rừng hỗn giao gỗ - tre nứa, do Ủy ban nhân dân xã H được giao quản lý, trong quá trình điều tra vụ án, Ủy ban nhân dân xã H yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Chang A T** phạm tội: “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy”

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 313; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, các Điều: 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử phạt bị cáo **Chang A T**: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, ngoài ra bản án còn giải quyết trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 01 năm 2024 bị cáo **Chang A T** có đơn kháng cáo xin hưởng án treo Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **T** giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Chang A T** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các lý do sau để cho bị cáo được hưởng án treo: Bản án sơ thẩm tuyên có phần nghiêm khắc bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội với lỗi vô ý trước khi đốt do trời không có gió, bị cáo đã đứng canh để ngăn lửa cháy để không cháy lan sang khu phức khác, tuy nhiên do trời nổi gió to nên lửa đã cháy sang khu vực bên cạnh, sau đó bị cáo đã cùng gia đình dập lửa, tuy nhiên sức người có hạn nên dẫn đến vi phạm pháp luật, rất mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo **Chang A T** mức hình phạt 02 năm tù là đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo tuy nhiên có phần hơi nghiêm khắc so với hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, xem xét giữ nguyên hình phạt 02 năm tù cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ lập luận trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên về phần hình phạt Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa bởi lẽ, hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là quá nghiêm khắc khi bị cáo phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận chủ động khắc phục hậu quả đã gây ra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn từ lý do nêu trên người bào chữa mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của **Chang A T** giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Thông báo về việc kháng cáo của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu ban hành theo đúng qui định tại Điều 338 Điều Bộ luật Tố tụng hình sự được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến gì. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo **Chang A T** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã lập luận và quy kết; xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với nhận xét và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 18/4/2023, tại **tiểu khu E**, khoảnh 1, **lô A** thuộc bản Sáo Lèn, **xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu**, **Chang A T** đã dùng 01 bật lửa ga đốt cỏ khô tại khu vực cỏ trên nương ngô của gia đình đã phát trước đó. Mục đích **T** đốt cỏ là để làm nương. Tuy nhiên, do chủ quan nên khi đốt cỏ, **T** không thực hiện

đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, dẫn đến đám cháy cháy lan lên rừng hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất (HG1) thuộc rừng sản xuất trên diện tích 11.400 m², gây thiệt hại 810 cây gỗ rừng tự nhiên với trữ lượng là 313,739 m³, trị giá 230.062.830 đồng, sau đó cháy lan lên rừng cao su với diện tích 6.700 m², gây thiệt hại 183 cây cao su thuộc quy hoạch rừng sản xuất trị giá 78.277.170 đồng. Toàn bộ diện tích thiệt hại trên thộc bản Sáo Lêng, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có tọa độ tại M1 X: 533.177,67; Y: 2.496,045,00 đến M 27, X: 533.156,67; Y: 2.496.048,67.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, gây thiệt hại cho tài sản của nhà nước, của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 4, Điều 19 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và khoản 2 Điều 39 của Luật Lâm nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng với lỗi vô ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 313 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo Chang A T là người có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại là các gia đình ông Tân A S, ông Chang Xa M2, ông Thần A D số tiền 76.000.000 đồng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, hiểu biết xã hội và kiến thức pháp luật có phần còn hạn chế. Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy: Toà án cấp phúc thẩm đồng tình với đánh giá nhận xét về hành vi, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng đủ pháp luật về tội danh, các tình tiết định khung, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm khi nhận định bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú nhưng lại quyết định hình phạt có phần nghiêm khắc chưa phù hợp với tích chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, việc quyết định mức hình phạt 02 năm tù đối với bị cáo Chang A T có phần hơi nghiêm khắc không thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo T tiếp tục thành khẩn khai nhận, các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng và tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm trong đó có 2 tình tiết ở khoản 1 và 2 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì bị

cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo, xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội giữ nguyên hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo ấn định thời gian thử thách là phù hợp cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo điều đó thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T** và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa.

[6] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu về phần hình phạt;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 313, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 - Bộ luật hình sự; Xử phạt Bị cáo **Chang A T** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy”. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho **ủy ban nhân dân xã H huyện P tỉnh Lai Châu** để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

“Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự”.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Phong Thổ, tỉnh Lai Châu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Lai Châu;
- Tòa án; VKSND; Công an; Chi cục
THADS huyện Phong Thổ;
- THAHS Phong Thổ ;
- UBND xã Hoàng Thèn;
- TAND huyện Phong Thổ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng